Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-10-16 07:26:07 +07:00

BỘ CÔNG AN - BỘ QUỐC PHÒNG - BỘ TƯ PHÁP - TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2026/TTLT-BCA-BQP-BTP-TANDTC-VKSNDTC	*Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định việc phối hợp trong số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15, Luật số 103/2025/QH15, Luật số 105/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15 và Luật số 128/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú số 128/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2024/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp trong số hóa hồ sơ,

ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư liên tịch này quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật.

2. Việc số hóa hồ sơ, ký số, quản lý, lưu trữ, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng hồ sơ điện tử, dữ liệu điện tử không thuộc phạm vi phối hợp liên ngành được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của từng cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư liên tịch này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thi hành án hình sự tại cộng đồng* gồm: thi hành án treo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cảnh cáo, trục xuất, bắt buộc chữa bệnh, thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, đối tượng tại ngoại và thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại.

2. *Hoạt động hỗ trợ tư pháp* gồm: bắt, áp giải, dẫn giải, bảo vệ phiên tòa, bảo vệ cưỡng chế thi hành án dân sự, thi hành án tử hình.

3. *Phần mềm chuyên dụng* là phần mềm do các cơ quan có thẩm quyền xây dựng, quản lý, sử dụng để phục vụ việc tạo lập, quản lý, lưu trữ, ký số, kết nối và chia sẻ hồ sơ điện tử, dữ liệu điện tử về hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật.

4. *Ký số* là việc người có thẩm quyền, tổ chức hoặc chủ thể có liên quan sử dụng chữ ký số đối với văn bản, tài liệu, dữ liệu điện tử theo quy định.

5. *Hồ sơ điện tử* là tập hợp thông tin, tài liệu, dữ liệu điện tử được tạo lập, cập nhật, quản lý, lưu trữ và ký số hoặc hình thức xác nhận hợp lệ khác trong hệ

thống thông tin điện tử theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật.

6. *Mã hồ sơ điện tử* là dãy ký tự duy nhất được tạo lập từ hệ thống thông tin theo quy tắc thống nhất giúp định danh chính xác hồ sơ cụ thể trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật.

7. *Tài liệu điện tử* là tài liệu tạo lập ở dạng thông điệp dữ liệu.

8. Số hóa hồ sơ là việc lập hồ sơ, văn bản điện tử ngay từ đầu trên phần mềm chuyên dụng; chuyển đổi hồ sơ, tài liệu từ dạng giấy hoặc dạng khác thành dữ liệu điện tử để lập, cập nhật, quản lý, lưu trữ và khai thác trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Hồ sơ điện tử phải đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn, xác thực, bảo mật, đảm bảo tính chống chối bỏ, được gắn mã hồ sơ điện tử có khả năng truy vết, kiểm tra, đối chiếu trong suốt quá trình quản lý, sử dụng, lưu trữ và đáp ứng yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm sát.

2. Hồ sơ điện tử, dữ liệu điện tử phải đảm bảo dễ truy cập, tra cứu, khai thác và sử dụng. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử phải đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền. Ưu tiên khai thác, sử dụng dữ liệu điện tử đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin đã được kết nối, chia sẻ theo quy định; không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã có, trừ trường hợp dữ liệu sai lệch hoặc pháp luật có quy định khác. Cơ quan tạo lập dữ liệu chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, hợp pháp của dữ liệu do mình tạo lập; cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu chịu trách nhiệm về việc khai thác, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan phải đảm bảo thống nhất về định dạng, tiêu chuẩn dữ liệu, giao thức kết nối, chính xác, toàn vẹn, an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, không làm ảnh hưởng đến tính độc lập trong hoạt động của các cơ quan theo quy định

của pháp luật và Thông tư liên tịch này. Trường hợp phát hiện dữ liệu không thống nhất giữa các hệ thống thông tin thì cơ quan tạo lập dữ liệu chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, cập nhật và đồng bộ dữ liệu theo quy định.

4. Việc lưu trữ dữ liệu điện tử trong hệ thống thông tin, kết nối và chia sẻ dữ liệu điện tử phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

5. Việc triển khai số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu phải thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình nghiệp vụ; phù hợp với điều kiện hạ tầng kỹ thuật, lộ trình chuyển đổi số, khả năng đảm bảo an toàn thông tin của từng cơ quan, đơn vị và không làm gián đoạn hoạt động nghiệp vụ. Việc lưu trữ hồ sơ giấy sau khi số hóa thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II
KÝ SỐ VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

Điều 4. Sử dụng chứng thư chữ ký số

1. Cơ quan, người có thẩm quyền sử dụng chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ để ký số văn bản điện tử, hồ sơ điện tử, dữ liệu điện tử trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật.

2. Việc ký số phải đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về chứng thư chữ ký số còn hiệu lực tại thời điểm ký; nội dung văn bản, hồ sơ, dữ liệu điện tử phải được đảm bảo tính toàn vẹn sau khi ký số; có khả năng xác thực chủ thể ký, xác định thời điểm ký và chống chối bỏ; tuân thủ các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, cơ yếu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Văn bản điện tử, hồ sơ điện tử được ký số hợp lệ có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan.

4. Việc quản lý, sử dụng chứng thư chữ ký số thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật về cơ yếu.

5. Đối với các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng được cấp, quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ hoặc trong trường hợp pháp luật không bắt buộc sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ thì được sử dụng chữ ký chuyên dùng, chữ ký số công cộng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Hình thức xác nhận điện tử khác

1. Hình thức xác nhận điện tử khác không phải là chữ ký số gồm: sử dụng chức năng xác nhận bằng vân tay hoặc xác thực sinh trắc học bằng khuôn mặt thông qua thiết bị điện tử; ký trên màn hình thiết bị điện tử tích hợp trên phần mềm chuyên dụng; tiến hành xác thực nhiều lớp khi điều kiện thực hiện được đảm bảo. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ điều kiện hạ tầng kỹ thuật, yêu cầu nghiệp vụ để lựa chọn, áp dụng hình thức xác nhận điện tử phù hợp; việc lựa chọn, áp dụng phải đảm bảo khả năng kết nối, liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm chuyên dụng, đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Việc thực hiện hình thức xác nhận điện tử khác của người tham gia hoạt động tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật phải được ghi nhận nhật ký điện tử, lưu trữ thông tin về thời điểm xác nhận, hình thức xác nhận và các thông tin kỹ thuật; trường hợp cần thiết có thể ghi hình để phục vụ việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

Điều 6. Xác thực điện tử

1. Việc xác thực điện tử được thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử; chữ ký số; mã xác thực điện tử; dữ liệu sinh trắc học và các phương thức xác thực điện tử hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc xác thực điện tử phải đảm bảo đúng chủ thể thực hiện; đảm bảo tính chính xác, an toàn, bảo mật, toàn vẹn, chống chối bỏ; có khả năng kiểm tra, đối chiếu, truy vết giao dịch điện tử. Dữ liệu phục vụ xác thực điện tử phải được gắn với hồ sơ điện tử tương ứng và được quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc thu thập, quản lý, lưu trữ, sử dụng dữ liệu phục vụ xác thực điện tử phải tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và pháp luật có liên quan.

4. Đối với dữ liệu sinh trắc học, mật khẩu và các dữ liệu xác thực nhạy cảm khác, bắt buộc phải áp dụng các biện pháp mã hóa phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhằm phòng ngừa hành vi truy cập, khai thác trái phép.

Điều 7. Trường hợp ký trực tiếp văn bản giấy

1. Văn bản được lập và ký trực tiếp trên bản giấy trong các trường hợp sau:

a) Pháp luật có quy định phải lập bằng văn bản giấy;

b) Văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước ở cấp độ mật mà phần mềm được triển khai trên hệ thống thông tin chưa triển khai các giải pháp bảo mật cơ yếu và chưa đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Người có thẩm quyền chưa được cấp chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ; chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ hết hiệu lực, bị thu hồi vì lý do khách quan hoặc không đảm bảo an toàn, không thể sử dụng được tại thời điểm ký;

d) Hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, phần mềm chuyên dụng hoặc dịch vụ chứng thực chữ ký số gặp sự cố, không đảm bảo việc ký số theo quy định;

đ) Do tình trạng khẩn cấp, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không thể thực hiện việc lập, ký số hoặc gửi, nhận văn bản điện tử.

2. Văn bản giấy được lập theo các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều này phải được số hóa, cập nhật vào hồ sơ điện tử ngay sau khi điều kiện kỹ thuật được đảm bảo; việc cập nhật phải ghi nhận trên hệ thống lý do, thời điểm cập nhật và người thực hiện để phục vụ việc kiểm tra, giám sát. Cơ quan lập văn bản giấy chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và thống nhất giữa văn bản giấy và hồ sơ điện tử được cập nhật.

Chương III
HỒ SƠ ĐIỆN TỬ; SỐ HÓA HỒ SƠ; GỬI, NHẬN, QUẢN LÝ, LƯU TRỮ HỒ SƠ ĐIỆN TỬ

Điều 8. Lập hồ sơ điện tử

1. Hồ sơ điện tử được lập ngay từ khi phát sinh căn cứ theo quy định của pháp luật trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật. Hồ sơ điện tử được lập trên phần mềm chuyên dụng hoặc hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật; được cấp mã định danh duy nhất để quản lý trong suốt quá trình xử lý, khai thác, lưu trữ và chia sẻ.

2. Hồ sơ điện tử bao gồm:

a) Văn bản điện tử được tạo lập trong quá trình thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật;

b) Tài liệu được số hóa từ hồ sơ giấy;

c) Thông tin, dữ liệu được khai thác, cập nhật từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ điện tử phải có danh mục tài liệu điện tử và cập nhật lịch sử (log) phản ánh đầy đủ quá trình hình thành, xử lý, cập nhật và lưu trữ hồ sơ. Danh mục tài liệu điện tử phải được xác nhận bằng chữ ký số hoặc hình thức xác nhận điện tử khác khi kết thúc từng giai đoạn thi hành hoặc khi chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan.

4. Hồ sơ điện tử, văn bản điện tử được lập, ký số hoặc được xác nhận bằng hình thức hợp lệ khác có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và được sử dụng trong hoạt động quản lý, điều hành, trao đổi thông tin, giải quyết công việc, thanh tra, kiểm tra và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp hệ thống thông tin hoặc hạ tầng kỹ thuật gặp sự cố, mất kết nối hoặc không thể khai thác thì đơn vị được thực hiện nghiệp vụ bằng hồ sơ giấy; ngay sau khi hệ thống hoạt động trở lại phải cập nhật đầy đủ vào hồ sơ điện tử.

Điều 9. Số hóa hồ sơ, tài liệu

1. Số hóa hồ sơ, tài liệu giấy hoặc tương tự sang tài liệu điện tử được thực hiện theo cấu trúc dữ liệu, chuẩn dữ liệu, chuẩn dữ liệu dùng chung, có xác thực dữ liệu và đáp ứng các quy định về chuyển đổi hình thức, xác thực dữ liệu. Trường hợp pháp luật quy định tài liệu được chuyển đổi phải có chữ ký số của cơ quan, tổ chức thực hiện chuyển đổi thì phải thực hiện ký số theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ, tài liệu sau khi số hóa phải đảm bảo phản ánh đầy đủ, chính xác nội dung của hồ sơ, tài liệu gốc được số hóa; có khả năng khai thác, sử dụng, chia sẻ; có thông tin về thời điểm số hóa, người thực hiện và nguồn gốc tài liệu; đảm bảo tính toàn vẹn và khả năng kiểm tra, đối chiếu.

3. Người có thẩm quyền, người thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, toàn vẹn của dữ liệu điện tử được tạo lập so với hồ sơ, tài liệu gốc.

4. Hồ sơ, tài liệu gốc được lập trước thời điểm liên ngành triển khai thống nhất việc ký số, số hóa hồ sơ, việc số hóa được thực hiện theo quy định tại Điều này và lộ trình cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

5. Hồ sơ, tài liệu gốc sau khi số hóa được quản lý, lưu trữ, bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 10. Gửi, nhận hồ sơ điện tử, văn bản điện tử

1. Việc gửi, nhận hồ sơ điện tử, văn bản điện tử giữa các cơ quan được thực hiện trên phần mềm chuyên dụng và qua nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ điện tử, văn bản điện tử được gửi, nhận hợp lệ khi hệ thống thông tin hoặc nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu ghi nhận trạng thái gửi thành công và cơ quan tiếp nhận đã nhận được đầy đủ dữ liệu. Thời điểm hệ thống ghi nhận việc tiếp nhận thành công được xác định là thời điểm nhận hồ sơ điện tử, văn bản điện tử để thực hiện các trình tự, thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật. Cơ quan tiếp nhận văn bản điện tử quản lý, sử dụng theo đúng mục đích, thẩm quyền và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, lưu trữ và bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Trường hợp hồ sơ điện tử, văn bản điện tử không đầy đủ, không đảm bảo tính toàn vẹn, không đọc được hoặc phát hiện dữ liệu không thống nhất giữa hồ sơ, văn bản gửi và dữ liệu trên hệ thống thì cơ quan tiếp nhận phải thông báo ngay trên phần mềm chuyên dụng và bằng văn bản điện tử cho cơ quan gửi để phối hợp xử lý.

4. Hệ thống thông tin phải ghi nhận đầy đủ nhật ký đối với hoạt động gửi, nhận, truy cập, khai thác và xử lý hồ sơ điện tử, văn bản điện tử. Trường hợp cần thiết có thể lập biên bản điện tử để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và truy xuất thông tin.

5. Việc gửi, nhận hồ sơ, tài liệu bằng bản giấy chỉ thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch này. Khi điều kiện thực hiện việc gửi, nhận điện tử được đảm bảo, cơ quan có trách nhiệm cập nhật, đồng bộ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu điện tử vào hệ thống thông tin theo quy định.

Điều 11. Quản lý, cập nhật và khai thác hồ sơ điện tử

1. Hồ sơ điện tử được quản lý tập trung, thống nhất trên phần mềm chuyên dụng hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo phân cấp quản lý của từng cơ quan.

2. Cơ quan lập hồ sơ điện tử có trách nhiệm số hóa (nếu là tài liệu giấy), cập nhật đầy đủ, kịp thời tài liệu, dữ liệu phát sinh vào hồ sơ điện tử; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu do mình tạo lập.

3. Việc khai thác, sử dụng hồ sơ điện tử phải đúng phạm vi, thẩm quyền; cơ quan có thẩm quyền thiết lập tài khoản, phân quyền và cơ chế kiểm soát truy cập để đảm bảo việc khai thác, sử dụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

4. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc xóa dữ liệu trong hồ sơ điện tử chỉ được thực hiện bởi người có thẩm quyền, có căn cứ và phải được phê duyệt theo quy định, được ghi nhận trên hệ thống và nhật ký hệ thống, đảm bảo khả năng truy vết phục vụ kiểm tra, giám sát và truy xuất khi cần thiết.

5. Nghiêm cấm việc tự ý sửa đổi, xóa hoặc hủy dữ liệu trong hồ sơ điện tử trái quy định của pháp luật.

Điều 12. Lưu trữ, bảo quản hồ sơ điện tử

1. Hồ sơ điện tử được lưu trữ, bảo quản theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan quản lý hồ sơ điện tử có trách nhiệm thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ; có phương án phục hồi dữ liệu khi xảy ra sự cố; kiểm tra định kỳ việc lưu trữ, bảo quản hồ sơ điện tử; đảm bảo an toàn hệ thống thông tin, an ninh mạng và cơ sở dữ liệu trong quá trình lưu trữ.

3. Thời hạn lưu trữ hồ sơ điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Việc tiêu hủy, xóa hồ sơ điện tử hết thời hạn lưu trữ phải được người có thẩm quyền quyết định, lập biên bản, ghi nhận trên hệ thống và đảm bảo dữ liệu không thể phục hồi trái phép. Hồ sơ điện tử có giá trị lưu trữ lịch sử hoặc thuộc diện lưu trữ vĩnh viễn được bảo quản, chuyển giao theo quy định của pháp luật.

Chương IV
KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU; XỬ LÝ SỰ CỐ; ĐẢM BẢO AN NINH, AN TOÀN, BẢO MẬT DỮ LIỆU

Điều 13. Quy định kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan; đúng phạm vi, mục đích, đối tượng được phép khai thác theo quy định của pháp luật; tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

2. Dữ liệu điện tử được kết nối, chia sẻ cho Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi và mục đích khai thác, sử dụng theo quy định để phục vụ công tác kiểm sát, xét xử và các hoạt động nghiệp vụ có liên quan. Việc từ chối kết nối, chia sẻ dữ liệu phải

được trả lời bằng văn bản hoặc trên phần mềm chuyên dụng và nêu rõ căn cứ pháp luật.

Điều 14. Phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong hoạt động thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành án hình sự tại cộng đồng; tái hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ tư pháp; quản lý kho vật chứng và tài liệu, đồ vật với cơ sở dữ liệu về hồ sơ vụ án, các cơ sở dữ liệu liên quan khác được thực hiện thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu hoặc các phương thức kỹ thuật khác do cơ quan có thẩm quyền thống nhất triển khai và đảm bảo đồng bộ, kết nối liên thông.

2. Hệ thống thông tin, Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu hoặc các phương thức kỹ thuật khác phải đảm bảo khả năng kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu; xác thực, phân quyền truy cập; ghi nhận nhật ký hệ thống; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, bí mật nhà nước; đảm bảo khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu khi xảy ra sự cố và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử, an toàn thông tin và an ninh mạng.

Điều 15. Xử lý sự cố và đồng bộ, chia sẻ dữ liệu

1. Khi phát hiện hệ thống thông tin, phần mềm chuyên dụng, hạ tầng kỹ thuật hoặc đường truyền phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu xảy ra sự cố hoặc không đảm bảo điều kiện vận hành an toàn, ổn định thì cơ quan quản lý hệ thống thông tin có trách nhiệm kịp thời áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo an toàn hệ thống; thông báo cho các cơ quan liên quan biết để phối hợp và khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.

2. Trong thời gian xảy ra sự cố, các cơ quan gửi, nhận hồ sơ, tài liệu bản giấy hoặc phương thức khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo hoạt động nghiệp vụ không bị gián đoạn.

3. Sau khi sự cố được khắc phục, cơ quan quản lý hệ thống thông tin và các cơ quan liên quan có trách nhiệm rà soát, đối chiếu, cập nhật và đồng bộ dữ liệu phát sinh trong thời gian xảy ra sự cố, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, thống nhất và liên tục của dữ liệu giữa các hệ thống thông tin.

4. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu chỉ được khôi phục khi đã đảm bảo các điều kiện về an toàn thông tin, an ninh mạng và tính toàn vẹn, chính xác của dữ

liệu theo quy định của pháp luật.

5. Mọi hoạt động xử lý sự cố, cập nhật và đồng bộ dữ liệu phải được ghi nhận trên hệ thống thông tin hoặc bằng hình thức phù hợp để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và truy xuất khi cần thiết.

Điều 16. Đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước

1. Việc kết nối, chia sẻ, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu điện tử, tài liệu điện tử phải đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan thực hiện việc quản lý tài khoản, phân quyền truy cập và đảm bảo việc truy cập đúng thẩm quyền; mọi hoạt động truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu phải được ghi nhận vào nhật ký hệ thống. Dữ liệu nhật ký hệ thống phải được lưu trữ toàn vẹn, chống thay đổi.

3. Mọi hành vi truy cập, khai thác, sửa đổi, sao chép hoặc sử dụng dữ liệu trái quy định của pháp luật phải được phát hiện, xử lý kịp thời.

Điều 17. Yêu cầu của phần mềm chuyên dụng

1. Phần mềm chuyên dụng phải đáp ứng yêu cầu quản lý, tạo lập, ký số, lưu trữ, kết nối, chia sẻ và khai thác hồ sơ điện tử, dữ liệu điện tử theo quy định của pháp luật.

2. Phần mềm chuyên dụng phải đảm bảo khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu; quản lý người sử dụng và phân quyền truy cập; ghi nhận nhật ký hệ thống; sao lưu, phục hồi dữ liệu; đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu.

3. Phần mềm chuyên dụng phải được duy trì, nâng cấp, bổ sung các chức năng nghiệp vụ và yêu cầu kỹ thuật, an ninh, an toàn thông tin, bảo mật cho phù hợp với tiến bộ khoa học và kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

4. Phần mềm chuyên dụng chỉ được đưa vào sử dụng chính thức khi được đánh giá đạt điều kiện về chức năng nghiệp vụ, hiệu năng, an toàn, an ninh mạng, bảo mật; được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đáp ứng yêu cầu quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này và được giám sát, kiểm tra định kỳ, đột xuất trong quá trình vận hành.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức triển khai thực hiện Thông tư liên tịch này;

b) Tổ chức thực hiện việc số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý;

c) Chủ trì đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch;

d) Chủ trì, phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết nối, chia sẻ dữ liệu liên ngành thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư liên tịch này.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý; phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan có liên quan đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thống nhất, đồng bộ, an toàn và hiệu quả.

3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan có liên quan đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

4. Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm chỉ đạo Tòa án các cấp thực hiện việc tạo lập, quản lý, ký số, gửi, nhận, kết nối và chia sẻ dữ liệu điện tử trong phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan có liên quan đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

5. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm chỉ đạo Viện kiểm sát các cấp thực hiện việc tạo lập, ký số, gửi, nhận, kết nối và chia sẻ dữ liệu điện tử trong phạm vi quản lý; xây dựng danh mục dữ liệu dùng chung; phối hợp đảm bảo việc trao đổi, kiểm sát và sử dụng dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động kiểm sát theo quy định của pháp luật.

6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của Thông tư liên tịch này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu do mình tạo lập, cập nhật, chia sẻ và khai thác, sử dụng.

7. Các bộ, ngành có trách nhiệm đảm bảo điều kiện cần thiết về hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, nhân lực và các điều kiện đảm bảo khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để tổ chức triển khai thực hiện việc số hóa hồ sơ, ký số, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Thông tư liên tịch này và lộ trình chuyển đổi số của từng cơ quan, đơn vị.

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan kịp thời phản ánh về Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét, hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ CÔNG AN** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ QUỐC PHÒNG** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TƯ PHÁP** **THỨ TRƯỞNG**
Thượng tướng Lê Văn Tuyến	**Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu**	**Mai Lương Khôi**

KT. CHÁNH ÁN **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **PHÓ CHÁNH ÁN**	**KT. VIỆN TRƯỞNG** **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO** **PHÓ VIỆN TRƯỞNG**
Nguyễn Văn Tiến	**Trần Hải Quân**